

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục báo cáo định kỳ của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục báo cáo định kỳ của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục và nội dung báo cáo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (đề t/h);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Viễn thông Kon Tum (p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.LVT.



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Phần I: DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

STT	Tên báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo	Ngành, lĩnh vực	Cơ quan nhận báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo				Tần suất thực hiện báo cáo
					Các Sở, ngành	Cấp huyện	Cấp xã	Tổ chức, cá nhân	
1	Báo cáo kết quả hoạt động chăn nuôi, thú y, thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về Ban hành quy chế phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện thành phố về công tác chăn nuôi, thú y, trồng trọt bảo vệ thực vật, khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Nông nghiệp và PTNT, Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y, thủy sản	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Chăn nuôi - Thú y)		x	x		Hàng tháng (12 lần/năm)
2	Báo cáo tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Nông nghiệp và PTNT, Lĩnh vực Thủy lợi và PCTT	UBND tỉnh, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và	x	x		x	Báo cáo sơ kết 6 tháng; Báo cáo tổng kết năm; (02 lần/năm)

				phòng thủ dân sự tỉnh;					
3	Báo cáo Công tác quản lý bảo vệ rừng tháng Nhiệm vụ trọng tâm công tác tháng; Quý.....;năm trên địa bàn tỉnh Kon tum	Văn bản số 147-CV/BNCTU, ngày 10-3-2021 của Ban Nội chính Tỉnh ủy về việc báo cáo công tác nội chính	Nông nghiệp và PTNT, Lĩnh vực Lâm nghiệp	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm Lâm)		x	x	x	Hàng tháng, 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm (12 lần/năm; lồng ghép báo cáo tháng 3 vào Quý I; Tháng 6 vào báo cáo 6 tháng đầu năm; tháng 9 vào báo cáo 9 tháng và Tháng 12 vào báo cáo năm)
4	Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý phát triển Nông, lâm nghiệp trên	Văn bản số 1575/VP-NNTN ngày 02/6/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Kon Tum về việc báo cáo phục vụ Thường trực Tỉnh ủy giao ban hằng tuần	Nông nghiệp và PTNT, Lĩnh vực Lâm nghiệp, nông nghiệp, Thủy lợi và PCTT	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Chăn nuôi và	x	x		x	Báo cáo hàng tuần (Mỗi tuần 1 lần)

địa bàn tỉnh tuần tháng (từ ngày/...../2024-/...../2024)			Thú y, Chi cục Thủy lợi, Chi cục Trồng trọt và BVTV)					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

Phần II: CHI TIẾT NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TẠI PHẦN I

1. Tên báo cáo: Báo cáo kết quả công tác chăn nuôi, thú y và thủy sản.

1.1 Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo kết quả công tác chăn nuôi, thú y và thủy sản

1.2 Đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo:

a) Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện

b) Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y)

1.3 Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi nhận qua hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

1.4 Thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng báo cáo.

b) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 25 hàng tháng.

1.5 Tần suất thực hiện báo cáo: Hàng tháng (12 lần/năm)

1.6 Mẫu đề cương báo cáo: Kèm theo **Phụ lục số 1.1**

1.7 Biểu mẫu số liệu báo cáo: Kèm theo **Phụ lục số 1.2**

1.8 Hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan báo cáo Chi cục Chăn nuôi và Thú y trước ngày 13 hàng tháng; Chi Cục Chăn nuôi và Thú y tổng hợp tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn trước ngày 15 hàng tháng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo (Phục vụ Hội giao ban Ngành Nông nghiệp và PTNT vào ngày 20 hàng tháng) và Báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25 hàng tháng.

2. Tên báo cáo: Báo cáo tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Kon Tum

2.1 Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo kết quả công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Kon Tum

2.2 Đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo:

a) Đối tượng thực hiện báo cáo: Các Sở, ban ngành; UBND cấp huyện; Các tổ chức, cá nhân có liên quan, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh

b) Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh; Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh

2.3 Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi nhận qua hệ thống hộp thư công vụ, hệ thống quản lý văn bản và điều hành ioffice.

2.4 Thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Báo cáo sơ kết 6 tháng: Được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm;
- Báo cáo tổng kết năm: Được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

b) Thời hạn gửi báo cáo:

- Thời gian gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 7 hàng năm
- Thời gian gửi báo cáo trước ngày 31 tháng 01 năm sau

2.5 Tần suất thực hiện báo cáo: Hàng năm (02 lần/năm)

2.6 Mẫu đề cương báo cáo: Kèm theo **Phụ lục số 2.1**

2.7 Biểu mẫu số liệu báo cáo: Kèm theo **Phụ lục số 2.2**

2.8 Hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan báo cáo Chi cục Thủy lợi trước ngày 13 hàng tháng; Chi Cục Thủy lợi tổng hợp tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15

hàng tháng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo (Phục vụ Hội giao ban Ngành Nông nghiệp và PTNT vào ngày 20 hàng tháng) và Báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25 hàng tháng.

3. Tên báo cáo: Báo cáo công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng tháng, quý, năm; Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác tháng, quý, năm.

3.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

3.2. Đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo:

a) Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND các huyện, thành phố; các Công ty Lâm nghiệp; các Ban quản lý RPH, ĐD; các phòng chuyên môn; các đơn vị trực thuộc.

b) Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.3. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi nhận qua hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

3.4. Thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Báo cáo tháng (Tính từ ngày 15 tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng báo cáo); Báo cáo quý (ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 của tháng báo cáo cáo); Báo cáo năm (từ 01 tháng 01 đến 15 tháng 12).

b) Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo tháng, quý, năm (trước ngày 25 hàng tháng, trước 25 hàng quý, trước 25 tháng 12 hàng năm)

3.5. Tần suất thực hiện báo cáo: 12 lần/năm (tháng 3 lồng ghép báo cáo quý I; tháng 6 lồng ghép báo cáo 6 tháng; tháng 9 lồng ghép báo cáo 9 tháng; tháng 12 lồng ghép vào báo cáo năm).

3.6. Mẫu đề cương báo cáo: Kèm theo **Phụ lục số 3**

3.7. Mẫu phụ lục báo cáo: Không

3.8 Hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan báo cáo Chi cục Kiểm lâm trước ngày 13 hàng tháng; Chi Cục Kiểm lâm tổng hợp tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15 hàng tháng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo (Phục vụ Hội giao ban Ngành Nông nghiệp và PTNT

vào ngày 20 hàng tháng) và Báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25 hàng tháng.

4. Tên báo cáo: Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý phát triển Nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh tuần tháng
(từ ngày/...../2024-...../...../2024)

4.1 Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo kết quả Công tác phòng chống thiên tai, mưa lũ, gió lốc, hạn hán; công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; công tác bồi thường GPMB một số dự án quan trọng và các nội dung liên quan khác.

4.2 Đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo:

a) Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Thủy lợi, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

b) Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

4.3 Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi nhận qua hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

4.4 Thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ thứ Năm của tuần trước đến thứ Tư của tuần tiếp theo

b) Thời hạn gửi báo cáo: Trước 11h00' của ngày thứ Tư hằng tuần

4.5 Tần suất thực hiện báo cáo: Hàng tuần (4 lần/tháng)

4.6 Mẫu đề cương báo cáo: Kèm theo **Phụ lục số 4**

4.7 Biểu mẫu số liệu báo cáo: Không

4.8 Hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan báo cáo các đơn vị Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 13 hàng tháng; Các đơn vị Chi cục tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước 14 giờ ngày thứ ba hàng tuần; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trước 11 giờ ngày thứ 4 hàng tuần.